ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Công tác xã hội — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 / 12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**34**	**391**	**119**		
1	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4)	(0)	(60)		
2	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
3	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
5	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
6	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
7	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
8	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
9	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
10	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
11	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
12	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
13	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
14	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
		Học phần tự chọn	***14***	***187***	***23***		
15	32021429	*Logic học*	2	22	8		
16	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
17	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
18	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
19	31721873	*Tiếng Việt thực hành*	2	30	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**39**	**425**	**175**		
20	32031276	Giới và phát triển	3	45	0		
21	32031713	Tâm lý học đại cương	3	45	0		
22	32031736	Tâm lý học xã hội	3	30	15		
23	32027041	Giáo dục học đại cương	2	30	0		
24	32041048	Hành vi con người và môi trường xã hội	4	45	15		
25	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
26	32034729	Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể	3	30	15		
27	32048005	Tham vấn tâm lý	4	30	30		
28	32048006	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống	4	30	30		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
		Học phần tự chọn	***11***	***120***	***60***		
29	32021370	*Kỹ năng giao tiếp*	2	15	15		
30	33121252	*Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính*	2	30	0		
31	32038007	*Sức khoẻ cộng đồng*	3	30	30		
32	32021043	*Tiếng Anh chuyên ngành*	2	30	0		
33	32021053	*Truyền thông trong công tác xã hội*	2	15	15		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**81**	**660**	**825**		
34	32032212	An sinh xã hội	3	45	0		
35	32028683	Lý thuyết công tác xã hội	2	30	0		
36	32038229	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	3	30	15	32031504	
37	32038001	Công tác xã hội với người cao tuổi	3	30	15		
38	32038043	Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế	3	30	15		
39	32038040	Xây dựng và quản lý dự án trong công tác xã hội	3	30	15		
40	32031049	Phát triển cộng đồng	3	30	15	32031504	
41	32031059	Chính sách xã hội	3	45	0		
42	32041811	Thực hành Phát triển cộng đồng	4	0	120	32031049	
43	32041790	Thực hành Công tác xã hội với nhóm	4	0	120	32031125	
44	32041789	Thực hành Công tác xã hội với cá nhân	4	0	120	32031118	
45	32031659	Quản trị ngành công tác xã hội	3	30	15	32031504	
46	32031504	Nhập môn công tác xã hội	3	30	15		
47	32031127	Công tác xã hội với trẻ em	3	30	15		
48	32031125	Công tác xã hội với nhóm	3	30	15	32031504	
49	32031122	Công tác xã hội với người khuyết tật	3	30	15		
50	32031118	Công tác xã hội với cá nhân	3	30	15	32031504	
51	32031116	Công tác xã hội trong trường học	3	30	15		
		Học phần tự chọn	***25***	***180***	***285***		
52	32038009	*Công tác xã hội với gia đình*	3	30	15		
53	32031041	*Xây dựng chương trình giáo dục cộng đồng*	3	30	15		
54	32031042	*Xây dựng dự án khởi nghiệp nghề công tác xã hội*	3	30	15		
55	32021055	*Kiểm huấn trong công tác xã hội*	2	15	15		
56	32061071	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
57	32031124	*Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS*	3	30	15		
58	32021119	*Công tác xã hội với dân tộc thiểu số*	2	15	15		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
59	32038317	*Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật*	3	30	15		
Khối kiến thức: THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			**6**	**0**	**180**		
60	32021851	Thực tế công tác xã hội	2	0	60		
61	32048049	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**160**	**1476**	**1299**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**110**	**989**	**931**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**20**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Bùi Đình Tuân		TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Công tác xã hội — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12 /2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32027041	Giáo dục học đại cương	2	30	0		
	32031504	Nhập môn công tác xã hội	3	30	15		
	32031713	Tâm lý học đại cương	3	45	0		
	32034729	Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể	3	30	15		
	Số tín chỉ trong kỳ		**14**	**165**	**45**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
	32021851	Thực tế công tác xã hội	2	0	60		
	32041048	Hành vi con người và môi trường xã hội	4	45	15		
	Học phần tự chọn						
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
	31721873	*Tiếng Việt thực hành*	2	30	0		
	32021053	*Truyền thông trong công tác xã hội*	2	15	15		
	Số tín chỉ trong kỳ		**17**	**162**	**123**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	4	0	60		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	32028683	Lý thuyết công tác xã hội	2	30	0		
	32031736	Tâm lý học xã hội	3	30	15		
	Học phần tự chọn						
	32021429	*Logic học*	2	22	8		
	32031042	*Xây dựng dự án khởi nghiệp nghề công tác xã hội*	3	30	15		
	33121252	*Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính*	2	30	0		
	Số tín chỉ trong kỳ		**15**	**172**	**53**		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
	32031059	Chính sách xã hội	3	45	0		
	32031118	Công tác xã hội với cá nhân	3	30	15	32031504	
	32048006	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống	4	30	30		
		Học phần tự chọn					
	32021370	*Kỹ năng giao tiếp*	2	15	15		
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**19**	**207**	**78**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
	32032212	An sinh xã hội	3	45	0		
	32041789	Thực hành Công tác xã hội với cá nhân	4	0	120	32031118	
	32048005	Tham vấn tâm lý	4	30	30		
		Học phần tự chọn					
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**19**	**172**	**173**		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	32031125	Công tác xã hội với nhóm	3	30	15	32031504	
	32031276	Giới và phát triển	3	45	0		
	32038229	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	3	30	15	32031504	
		Học phần tự chọn					
	32021119	*Công tác xã hội với dân tộc thiểu số*	2	15	15		
	32038007	*Sức khoẻ cộng đồng*	3	30	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**171**	**84**		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	32031049	Phát triển cộng đồng	3	30	15	32031504	
	32038001	Công tác xã hội với người cao tuổi	3	30	15		
	32041790	Thực hành Công tác xã hội với nhóm	4	0	120	32031125	
		Học phần tự chọn					
	32021043	*Tiếng Anh chuyên ngành*	2	30	0		
	32038317	*Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**142**	**173**		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
8	32031116	Công tác xã hội trong trường học	3	30	15		
	32031127	Công tác xã hội với trẻ em	3	30	15		
	32038040	Xây dựng và quản lý dự án trong công tác xã hội	3	30	15		
	32038043	Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	32021055	*Kiểm huấn trong công tác xã hội*	2	15	15		
	32038009	*Công tác xã hội với gia đình*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**165**	**90**		
9	32031122	Công tác xã hội với người khuyết tật	3	30	15		
	32031659	Quản trị ngành công tác xã hội	3	30	15	32031504	
	32041811	Thực hành Phát triển cộng đồng	4	0	120	32031049	
		Học phần tự chọn					
	32031041	*Xây dựng chương trình giáo dục cộng đồng*	3	30	15		
	32031124	*Công tác xã hội với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**120**	**180**		
10	32048049	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
		Học phần tự chọn					
	32061071	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**0**	**300**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH | **TRƯỞNG KHOA** | **KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Đức Tuấn